

LÝ LỊCH TƯ PHÁP**Định danh cá nhân*****I. THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN**

Họ và tên*		
Tên gọi khác (nếu có)		
Giới tính*		
Ngày, tháng, năm sinh*		
Nơi đăng ký khai sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch*		
Nơi thường trú		
Nơi tạm trú		
CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu	Số..... Cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....	
Họ tên cha		Ngày sinh
Họ tên mẹ		Ngày sinh
Họ tên vợ/chồng		Ngày sinh
Ghi chú ¹		

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ ÁN TÍCH:

Tình trạng án tích theo Điều 42 Luật Lý lịch tư pháp*:

Tình trạng án tích theo Điều 43 Luật Lý lịch tư pháp*:

Ghi chú:

III. THÔNG TIN CỤ THỂ VỀ ÁN TÍCH

1. NỘI DUNG BẢN ÁN		Ngày cập nhật thông tin	Người cập nhật
Số bản án*			
Ngày tuyên án*			
Tòa án đã tuyên bản án*			
Tội danh – Điều khoản BLHS được áp dụng*			
Hình phạt chính*			
Hình phạt bổ sung (nếu có)			
Nghĩa vụ dân sự (nếu có)			
Biện pháp tư pháp (nếu có)			
Án phí*			
Thời điểm chấp hành hình phạt chính*			

¹ Tình trạng công dân: còn sống/đã chết

Ghi chú			
2. TÌNH TRẠNG THI HÀNH ÁN			
2.1. Quyết định thi hành bản án hình sự			
Số Quyết định*			
Ngày ra quyết định*			
Tòa án ra quyết định*			
Nội dung quyết định*			
Thời điểm chấp hành hình phạt chính*			
Ghi chú			
2.2. Quyết định miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn/phạt cải tạo không giam giữ			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Án phạt được miễn chấp hành			
Ngày được miễn			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.3. Quyết định miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Án phạt được miễn chấp hành			
Ngày được miễn			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.4. Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Thời gian được hoãn			
Ngày có hiệu lực			
Cơ quan, tổ chức theo dõi, quản lý			
Ghi chú			
2.5. Quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù/án phạt cải tạo không giam giữ			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Án phạt được giảm thời hạn chấp hành			
Thời gian được giảm			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			

2.6. Quyết định rút ngắn thời gian thử thách án treo			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Thời gian được rút ngắn			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.7. Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Thời gian tạm đình chỉ			
Ngày có hiệu lực			
Cơ quan theo dõi, quản lý			
Ghi chú			
2.8. Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù/án phạt cải tạo không giam giữ/thời gian thử thách án treo			
Số Giấy chứng nhận			
Ngày cấp chứng nhận			
Cơ quan chứng nhận			
Án phạt đã chấp hành xong			
Về nơi cư trú tại			
Hình phạt bổ sung tiếp tục phải chấp hành			
Ngày chấp hành xong án phạt			
Ghi chú			
2.9. Văn bản thông báo kết quả thi hành án phạt trực xuất			
Số văn bản			
Ngày ra thông báo			
Cơ quan ra thông báo			
Nội dung thông báo			
Ngày thi hành xong án phạt			
Ghi chú			
2.10. Quyết định tiếp nhận chuyển giao			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.11. Quyết định thi hành quyết định tiếp nhận chuyển giao/Thông báo về việc thực hiện quyết định dẫn độ			
Số văn bản			

Ngày ra văn bản			
Cơ quan ra văn bản			
Nội dung văn bản			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.12. Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước đi một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định			
Số văn bản			
Ngày ra văn bản			
Cơ quan chứng nhận			
Nội dung chứng nhận			
Ngày chấp hành xong án phạt			
Ghi chú			
2.13. Quyết định ân giảm án phạt tử hình			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.14. Quyết định thi hành án phạt tiền, án phạt tịch thu tài sản, án phí và nghĩa vụ dân sự khác			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Các khoản phải thi hành			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.15. Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu phải nộp ngân sách Nhà nước			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.16. Quyết định đình chỉ thi hành án dân sự			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày có hiệu lực			

Ghi chú			
2.17. Giấy xác nhận kết quả thi hành án dân sự			
Số văn bản			
Ngày ra văn bản			
Cơ quan xác nhận			
Nội dung xác nhận (toàn bộ/một phần)			
Nghĩa vụ dân sự còn phải thi hành (nếu có)			
Ghi chú			
2.18. Văn bản xác nhận đã chấp hành xong án phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự			
Số văn bản			
Ngày ra văn bản			
Cơ quan xác nhận			
Nội dung xác nhận			
Ngày chấp hành xong			
Ghi chú			
2.19. Giấy chứng nhận đặc xá			
Số giấy chứng nhận			
Ngày ra văn bản			
Cơ quan cấp giấy chứng nhận			
Đã chấp hành xong hình phạt tù theo quyết định đặc xá số			
Được đặc xá tha tù trước thời hạn kể từ ngày			
Về nơi cư trú tại			
Hình phạt bổ sung tiếp tục phải thi hành			
Ghi chú			
2.20. Giấy chứng nhận đại xá			
Số giấy chứng nhận			
Ngày ra văn bản			
Cơ quan cấp giấy chứng nhận			
Được miễn trách nhiệm hình sự theo quyết định đại xá số			
Được đại xá tha tù trước thời hạn kể từ ngày			
Về nơi cư trú tại			
Ghi chú			
2.21. Quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo khác			
Tên văn bản:			
Số văn bản			
Ngày ra văn bản			
Cơ quan ban hành văn bản			